

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐƠN DƯƠNG
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2020/HNGĐ - ST
Ngày 22/10/2020
V/v “Tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐƠN DƯƠNG, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Đình Anh Vũ

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dư Công Thử;
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Hoa.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Phúc - là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phan Thị Lành - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 10 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 63/2020/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 3 năm 2020 về “*Tranh chấp ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 42/2020/QĐXXST-ST ngày 09 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Lan A, sinh năm: 1984; địa chỉ: thôn Q, xã L, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1979; địa chỉ: thôn Q, xã L, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan A trình bày: chị và anh Nguyễn Thanh T xây dựng gia đình trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Đơn Dương vào ngày 22/3/2002. Trong thời gian vợ chồng chung sống chị cảm thấy không hạnh phúc. Ngay từ những ngày đầu đã phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp, thường xuyên cãi nhau. Anh T thường đi nhậu say rồi về gây gổ với chị và nhiều lần xúc phạm chị và gia đình bố mẹ chị cũng như đánh và đuổi chị ra khỏi nhà. Anh cũng có xin lỗi, hứa sẽ sửa đổi bản thân nhưng mọi chuyện vẫn không có gì thay đổi. Tháng 12/2019 chị bị bệnh phải điều trị nhưng Anh T coi thường chị và những công sức đóng góp của chị đối với gia đình và cho rằng bị bệnh cũng phải đi làm để có tiền tiêu xài mà

không có sự thông cảm. Chị cảm thấy uất ức trong cách hành xử của Anh T. Vì những lý do đó, chị thấy không còn tình cảm với Anh T nên từ tháng 5/2020 chị về nhà bố mẹ để làm ăn sinh sống. Thỉnh thoảng Anh T có đến nhà xúc phạm, quấy phá nên chị cũng không muốn về. Vợ chồng cũng không còn quan tâm gì đến nhau nữa. Chị cho rằng mục đích của hôn nhân không đạt được, cuộc sống hôn nhân không mang lại hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Anh T.

Về con chung: Chị Lan A trình bày chị và Anh T có 04 con chung gồm cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 21/4/2003, Nguyễn Kim N, sinh ngày 26/01/2006, Nguyễn Bảo Ngọc B, sinh ngày 09/3/2014, Nguyễn Trung H, sinh ngày 14/5/2016. Hiện cả 04 con chung đang ở nhà cùng Anh T. Nguyên vọng của chị Lan A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Nguyễn Bảo Ngọc B và Nguyễn Trung H và giao hai con chung là Nguyễn Thanh T1 và Nguyễn Kim N cho Anh T nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị không yêu cầu Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: chị Lan A không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và nợ chung trong vụ án này.

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lan A vẫn giữ nguyên ý kiến của mình về việc giải quyết ly hôn, nuôi con chung và vấn đề tài sản chung, nợ chung. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do, không thể hiện ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đơn Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật; bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ quy định tại điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Nguyễn Thị Lan A được ly hôn với anh Nguyễn Thanh T; về con chung: giao các cháu Nguyễn Bảo Ngọc B và Nguyễn Trung H cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng giáo dục cho đến khi thành niên và giao hai con chung là Nguyễn Thanh T1 và Nguyễn Kim N cho anh Nguyễn Thanh T nuôi dưỡng đến khi thành niên. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con do chị Lan A không yêu cầu nên không đề cập đến; về tài sản chung và nợ chung chị Lan A không yêu cầu giải quyết, Anh T không có mặt trong suốt quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay để thể hiện ý kiến của mình nên không xem xét đến. Về án phí: chị Lan A phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án tranh chấp ly hôn giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan A với bị đơn anh Nguyễn Thanh T. Bị đơn có địa chỉ cư trú tại xã Lạc Lâm, huyện Đơn Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đơn Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 3 Điều 36 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Quá trình giải quyết vụ án, chị Lan A có đơn yêu cầu Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án do bị đơn anh Nguyễn Thanh T thường xuyên vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải vụ án và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ vắng mặt anh Nguyễn Thanh T theo quy định tại khoản 4 Điều 207 và khoản 2 Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn anh Nguyễn Thanh T đã được Tòa án triệu tập họp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai theo đúng quy định tại các Điều 175, 177, 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt Anh T theo thủ tục chung và dành quyền kháng cáo cho Anh T theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp, xét yêu cầu của nguyên đơn thấy rằng:

Về quan hệ hôn nhân: chị Lan A và Anh T kết hôn với nhau tự nguyện năm 2002 đã được UBND xã Lạc Lâm, huyện Đơn Dương, tỉnh Lâm Đồng cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 22/3/2002. Thời điểm đăng ký kết hôn, anh chị đều đủ điều kiện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Lan A và Anh T là hợp pháp.

Theo chị Lan A thì chị và Anh T chung sống không hạnh phúc ngay từ khi mới kết hôn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, thường xuyên cãi nhau. Anh thường đi nhậu say rồi về gây gổ, xúc phạm chị và gia đình bố mẹ chị. Nhiều lần anh đã đánh và đuổi chị ra khỏi nhà, coi thường chị và những công sức đóng góp của chị đối với gia đình, không có sự thông cảm khi chị bị bệnh... Trên thực tế, chị và Anh T đã không chung sống và quan tâm đến nhau từ tháng 05 năm 2020 cho đến nay.

Theo ý kiến của ông Đinh Ngọc Thiệu - trưởng thôn Quỳnh Châu Đông, xã Lạc Lâm cho biết: ông cũng có nắm bắt tình hình và được biết chị Lan A và Anh T cũng thường cãi nhau to tiếng trong gia đình. Sau đó, chị Lan A có về nhà mẹ ruột của chị ở tổ 3 thôn Quỳnh Châu Đông. Có mấy lần Anh T uống rượu đến quậy phá ảnh hưởng đến hàng xóm nơi chị Lan A đang ở. Điều đó chứng tỏ chị Lan A và Anh T hiện không chung sống cùng nhau. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng yêu cầu Anh T đến Tòa án làm việc tuy nhiên Anh T vẫn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Việc chị Lan A về nhà mẹ ruột ở và sống riêng nhưng Anh T không tác động để chị Lan A trở về chung sống mà đến để gây gổ không trên tinh thần hàn gắn, xây dựng hạnh phúc gia đình.

Từ những tình tiết trên có thể thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Lan A và Anh T là có thật, đã lâm vào tình trạng trầm trọng, khó hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử nhận thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lan A, cho chị được ly hôn với Anh T là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: chị Lan A yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các cháu Nguyễn Bảo Ngọc B và Nguyễn Trung H và giao hai con chung là Nguyễn Thanh T1 và Nguyễn Kim N cho Anh T trực tiếp nuôi dưỡng đến khi thành niên. Chị không yêu cầu Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải xem xét đến sự đảm bảo phát triển tốt về mọi mặt của con. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định “*Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 7 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*”. Hiện tại cả cháu T1 và cháu N đều đã trên 7 tuổi nên phải xem xét đến nguyện vọng của các cháu. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, cháu T1 và cháu N đều muốn được ở với Anh T. Chị Lan A cho rằng hiện nay chị đang làm công việc chăm sóc trẻ, có thu nhập ổn định và có thể trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu B và cháu Hiếu. Cháu T1 và cháu N muốn được ở với Anh T thì chỉ tôn trọng nguyện vọng của các con. Anh T cũng không có ý kiến gì về việc nuôi con nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao 02 con chung là Nguyễn Bảo Ngọc B, Nguyễn Trung H cho chị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi và giao cháu Nguyễn Kim N và Nguyễn Thanh T1 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục đến khi đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện hoàn cảnh thực tế của các bên và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu N và cháu T1.

[4] Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: chị Lan A không yêu cầu giải quyết nên không xem xét đến.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: chị Lan A không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét đến.

[6] Về án phí: Buộc nguyên đơn phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Bị đơn không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Khoản 3 Điều 36, khoản 1 Điều 39, Điều 146, 147, 175, 177, 179, 205, 207, 220, 228, 262, 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng Điều 26 của Luật Thi hành án dân sự; Áp dụng khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan A. Cho nguyên đơn chị Nguyễn Thị Lan A được ly hôn với bị đơn anh Nguyễn Thanh T.

2. Về con chung: giao con chung là các cháu Nguyễn Thanh T1, sinh ngày 21/4/2003, Nguyễn Kim N, sinh ngày 26/01/2006 cho anh Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi thành niên; Giao các cháu Nguyễn Bảo Ngọc B, sinh ngày 09/3/2014, Nguyễn Trung H, sinh ngày 14/5/2016 cho chị Nguyễn Thị Lan A trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục

cho đến khi thành niên. Chị Nguyễn Thị Lan A và anh Nguyễn Thanh T không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Quyền đi lại thăm nom con, chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục con; quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con; yêu cầu cấp dưỡng được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

3. Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị Lan A phải chịu 300.000đ tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ tiền chị Lan A đã nộp theo biên lai thu số AA/2016/0016210 ngày 09/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đơn Dương. Chị Lan A đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Anh Nguyễn Thanh T không phải chịu tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Lan A có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Nguyễn Thanh T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”./.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND huyện Đơn Dương;
- Chi cục THADS huyện Đơn Dương;
- UBND xã L, huyện Đơn Dương;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Đình Anh Vũ